

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày 04-9-2025

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nông Văn Thắng

Bà Hà Thúy Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025 tại Chi nhánh Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2025/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bàn Thị V, sinh năm 1978. Số định danh: 022178010116; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Hiện trú tại: Số C, phố B, phường H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nông Quốc T, sinh năm 1975. Số định danh: 0200775003666; địa chỉ: Thôn F, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bàn Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bàn Thị V kết hôn với ông Nông Quốc T và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 15/5/2000 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2000. Trước khi kết hôn vợ chồng bà Bàn Thị V được tự do tìm hiểu nhau khoảng một tháng thì kết hôn, không được tổ chức làm đám cưới

theo phong tục tập quán của địa phương, việc kết hôn của vợ chồng bà Bàn Thị V là tự nguyện, không do ai ép buộc, dối lừa. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng chỉ kéo dài được một tuần thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, lý do là vợ chồng tính tình không hợp, luôn bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, nên thường xuyên cãi, chửi nhau, thậm chí nhiều lần ông Nông Quốc T còn đánh đập bà Bàn Thị V, tuy mâu thuẫn vợ chồng bà Bàn Thị V được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng vẫn không được. Không chịu được cảnh sống như vậy nên đến năm 2006 bà Bàn Thị V đã phải bỏ về thôn C, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình nay là thôn C, xã Đ, tỉnh Hưng Yên sinh sống từ đó cho đến nay. Từ ngày bà Bàn Thị V bỏ về quê sinh sống ban đầu ông Nông Quốc T có liên lạc với bà Bàn Thị V vài lần, nhưng không phải để khuyên nhủ bà Bàn Thị V quay về sinh sống với nhau, mà để chửi bới, xúc phạm bà Bàn Thị V, từ năm 2011 cho đến nay giữa hai vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau. Vợ chồng đã chính thức sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Bà Bàn Thị V xác định không còn tình cảm với ông Nông Quốc T, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà Bàn Thị V được ly hôn với ông Nông Quốc T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên là Nông Thị Huyền T1, sinh ngày 09/11/1999 và Nông Thị Hương C, sinh ngày 13/12/2000. Các con chung hiện nay đều đã trưởng thành, bà Bàn Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có.

Bị đơn ông Nông Quốc T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Quá trình kết hôn của vợ chồng như bà Bàn Thị V trình bày là đúng, nhưng phần trình bày bà Bàn Thị V cho rằng vợ chồng được tự do tìm hiểu nhau một tháng là không đúng, vì thực tế vợ chồng ông Nông Quốc T được tự do tìm hiểu nhau khoảng một năm thì mới kết hôn. Đến năm 2006 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bản thân ông Nông Quốc T cũng chơi bời và bị nghiện, một phần là bà Bàn Thị V có quan hệ với người đàn ông khác nên từ đó bà Bàn Thị V bỏ đi sinh sống ở đâu ông Nông Quốc T không biết, vợ chồng ông Nông Quốc T đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay. Nay ông Nông Quốc T xác định không còn tình cảm với bà Bàn Thị V, nhưng ông Nông Quốc T chưa nhất trí ly hôn với bà Bàn Thị V, vì khi lấy bà Bàn Thị V ông Nông Quốc T có đưa tiền sinh lễ cho bên nhà bố mẹ bà Bàn Thị V số tiền 7.000.000 đồng từ năm 2000, tính theo thời giá hiện nay tương đương với 70.000.000 đồng nếu bà Bàn Thị V trả tiền sinh lễ cho ông Nông Quốc T thì ông Nông Quốc T mới đồng ý ly hôn. Ông Nông Quốc T không yêu cầu trả tiền sinh lễ trong vụ án, nếu bà Bàn Thị V tự nguyện trả thì ông Nông Quốc T nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên là Nông Thị Huyền T1, sinh ngày 09/11/1999 và Nông Thị Hương C, sinh ngày 13/12/2000. Cả 02

con chung hiện nay đều đã trưởng thành, bà Bàn Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết ông Nông Quốc T cũng nhất trí.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung, cho vay chung: Ông Nông Quốc T có tình bày vay Ngân hàng nhưng không nhớ Ngân hàng nào và thời gian vay, ông Nông Quốc T chỉ nhớ có vay số tiền 5.000.000 đồng sau đó ông Nông Quốc T đã tự trả.

Tại biên bản xác minh ngày 16/7/2025 tại Công an xã Đ và Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lạng Sơn xác định: Ông Nông Quốc T và bà Bàn Thị V đăng ký kết hôn vào ngày 15/5/2000 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ cũ, nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11, ngày 15/5/2000.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tổ tụng đúng trình tự thủ tục, tiến hành thu thập chứng cứ, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai nguyên đơn và con chung theo quy định, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có đề nghị, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân, xử cho bà Bàn Thị V ly hôn ông Nông Quốc T; về con chung cả 02 con đều đã trưởng thành các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung bà Bàn Thị V và ông Nông Quốc T đều xác định không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết; về vay nợ chung ông Nông Quốc T cho rằng có vay nợ chung số tiền 5.000.000 đồng nhưng không nhớ vay Ngân hàng nào, ông Nông Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; về án phí nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28,

điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án bà Bàn Thị V đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy bà Bàn Thị V và ông Nông Quốc T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ cũ, nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn, theo Giấy chứng nhận kết hôn theo Giấy nhận kết hôn số 11, ngày 15/5/2000 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ cũ, nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn, việc kết hôn là tự nguyện không ai bị ép buộc, lừa dối nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, nguyên nhân bà Bàn Thị V và ông Nông Quốc T đều cho rằng vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Bà Bàn Thị V yêu cầu được ly hôn, ông Nông Quốc T không đồng ý ly hôn nhưng tự xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà Bàn Thị V. Hội đồng xét xử thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Bàn Thị V và ông Nông Quốc T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bàn Thị V.

[3] Về con chung: Bà Bàn Thị V và ông Nông Quốc T có 02 người con chung tên là Nông Thị Huyền T1, sinh ngày 09/11/1999 và Nông Thị Hương C, sinh ngày 13/12/2000. Cả 02 con chung hiện nay đều đã trưởng thành, bà Bàn Thị V và ông Nông Quốc T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Bàn Thị V và ông Nông Quốc T xác định không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Vay nợ chung: Bà Bàn Thị V xác định không có vay nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Nông Quốc T xác định có vay nợ chung số tiền 5.000.000 nhưng vay Ngân hàng nào và vay thời gian nào ông Nông Quốc T không nhớ, sau đó ông Nông Quốc T đã tự trả xong hết và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Bàn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận bà Bàn Thị V đã nộp đủ 300.000 đồng án phí theo Biên thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23, số 00022900, ngày 21/4/2025, tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn cũ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57 và 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Bàn Thị V ly hôn ông Nông Quốc T (theo Giấy nhận kết hôn số 11, ngày 15/5/2000 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ cũ, nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Cả 02 con đều đã trưởng thành không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về vay nợ chung: Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

5. Về án phí: Bà Bàn Thị V phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận bà Bàn Thị V đã nộp đủ án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23, số 00022900, ngày 21/4/2025, tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn cũ, số tiền trên được chuyển vào tài khoản số 3949.0.01054441.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn tại Kho bạc Nhà nước khu vực V1 - Phòng nghiệp vụ 2.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Đình Lập;
- Chi cục THADS huyện Đình Lập;
- Các đương sự;
- UBND xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Công Chung